

Số: 3217 /QĐ-SYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội (lần 8)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND Thành phố về việc chuyển các Trung tâm y tế thuộc Sở Y tế về thuộc UBND các quận huyện và thị xã Sơn Tây quản lý;

Căn cứ Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2024 của Sở Y tế; Bổ sung có mục tiêu cho quận, huyện, thị xã kinh phí hoạt động của các Trung tâm y tế;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của UBND Thành phố về việc giao phụ trách, điều hành Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5470/QĐ-SYT ngày 16/12/2023 của Sở Y tế về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3191/QĐ-SYT ngày 16/10/2024 của Sở Y tế về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024 (lần 8);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội được UBND Thành phố giao Sở Y tế tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 (được điều chỉnh tại Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND Thành phố) và Sở Y tế giao các đơn vị trực thuộc tại Quyết định số 3191/QĐ-SYT ngày 16/10/2024 của Sở Y tế (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Văn phòng Sở Y tế lập chuyên mục và đăng Công khai dự toán ngân sách trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (để p/hợp thực hiện);
- Ban Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở Y tế (để công khai trên website);
- Lưu: VT, KHTC(TIỀN).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓
Nguyễn Đình Hưng



PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 (LẦN 8)
(Kèm theo Quyết định số 3217/QĐ-SYT ngày 2/10/2024 của Sở Y tế Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	Tổng số			Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
						Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm			Trung tâm y tế quận Ba Đình		
			Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(1.342.344)	1.342.344	(1.342.344)	-	41.505	(41.505)	-	38.762	(38.762)	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-						
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(1.342.344)	1.342.344	(1.342.344)	-	41.505	(41.505)	-	38.762	(38.762)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(904.466)	904.466	(904.466)	-	29.430	(29.430)	-	26.252	(26.252)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	(904.466)	904.466	(904.466)	-	29.430	(29.430)	-	26.252	(26.252)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(437.878)	437.878	(437.878)	-	12.075	(12.075)	-	12.510	(12.510)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	(157.873)	157.873	(157.873)	-	4.642	(4.642)	-	3.988	(3.988)	-
*	Chi nghiệp vụ	(256.623)	256.623	(256.623)	-	5.743	(5.743)	-	6.672	(6.672)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	(1.004)	1.004	(1.004)	-	-	-	-	-	-	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	(1.530)	1.530	(1.530)	-	40	(40)	-	40	(40)	-

STT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
			Tổng số			Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm			Trung tâm y tế quận Ba Đình		
			Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	(10.680)	10.680	(10.680)	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	(300)	300	(300)	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	(17.235)	17.235	(17.235)	-	501	(501)	-	427	(427)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	(43.800)	43.800	(43.800)	-	705	(705)	-	1.103	(1.103)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	(34.362)	34.362	(34.362)	-	565	(565)	-	883	(883)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	(68.858)	68.858	(68.858)	-	2.185	(2.185)	-	1.452	(1.452)	-
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
++	Phòng, chống Lao	(1.796)	1.796	(1.796)	-	37	(37)	-	73	(73)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	(1.269)	1.269	(1.269)	-	88	(88)	-	33	(33)	-
++	Phòng, chống ung thư	(9.757)	9.757	(9.757)	-	979	(979)	-	14	(14)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	(6.226)	6.226	(6.226)	-	191	(191)	-	111	(111)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	(5.941)	5.941	(5.941)	-	137	(137)	-	61	(61)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	(1.102)	1.102	(1.102)	-	-	-	-	16	(16)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	(859)	859	(859)	-	6	(6)	-	18	(18)	-

STT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
			Tổng số			Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm			Trung tâm y tế quận Ba Đình		
			Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	(7.354)	7.354	(7.354)	-	96	(96)	-	108	(108)	-
++	Quản dân y kết hợp	(818)	818	(818)	-	28	(28)	-	13	(13)	-
++	Y tế trường học	(2.222)	2.222	(2.222)	-	25	(25)	-	20	(20)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	(3.615)	3.615	(3.615)	-	46	(46)	-	48	(48)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	(3.612)	3.612	(3.612)	-	106	(106)	-	88	(88)	-
++	Phòng chống mù lòa	(988)	988	(988)	-	-	-	-	16	(16)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	(7.680)	7.680	(7.680)	-	239	(239)	-	647	(647)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	(2.076)	2.076	(2.076)	-	-	-	-	22	(22)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	(4.250)	4.250	(4.250)	-	64	(64)	-	78	(78)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	(1.413)	1.413	(1.413)	-	-	-	-	21	(21)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	(3.257)	3.257	(3.257)	-	73	(73)	-	15	(15)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	(991)	991	(991)	-	35	(35)	-	12	(12)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	(1.665)	1.665	(1.665)	-	16	(16)	-	14	(14)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	(653)	653	(653)	-	11	(11)	-	10	(10)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	(1.314)	1.314	(1.314)	-	8	(8)	-	14	(14)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	(78.779)	78.779	(78.779)	-	1.747	(1.747)	-	2.752	(2.752)	-

STT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
			Tổng số			Trung tâm y tế quận Hoàn Kiếm			Trung tâm y tế quận Ba Đình		
			Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	(75)	75	(75)	-	-	-	-	15	(15)	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	(23.382)	23.382	(23.382)	-	1.690	(1.690)	-	1.850	(1.850)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình		-					-			
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách					1089124			1013840		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch					0013			0012		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TO.
(Kèm theo Quyết định

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Đống Đa			Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng			Trung tâm y tế quận Cầu Giấy		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	55.500	(55.500)	-	51.729	(51.729)	-	32.253	(32.253)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	55.500	(55.500)	-	51.729	(51.729)	-	32.253	(32.253)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	38.190	(38.190)	-	36.504	(36.504)	-	19.603	(19.603)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	38.190	(38.190)	-	36.504	(36.504)	-	19.603	(19.603)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.310	(17.310)	-	15.225	(15.225)	-	12.650	(12.650)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	6.752	(6.752)	-	6.073	(6.073)	-	3.526	(3.526)	-
*	Chi nghiệp vụ	9.808	(9.808)	-	8.262	(8.262)	-	8.312	(8.312)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	8	(8)	-	88	(88)	-	-	-	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	40	(40)	-	55	(55)	-	40	(40)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Đống Đa			Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng			Trung tâm y tế quận Cầu Giấy		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	556	(556)	-	461	(461)	-	307	(307)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	1.897	(1.897)	-	1.478	(1.478)	-	1.488	(1.488)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	1.517	(1.517)	-	1.182	(1.182)	-	1.192	(1.192)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	1.869	(1.869)	-	1.505	(1.505)	-	3.039	(3.039)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	26	(26)	-	54	(54)	-	35	(35)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	11	(11)	-	88	(88)	-	18	(18)	-
++	Phòng, chống ung thư	19	(19)	-	36	(36)	-	144	(144)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	41	(41)	-	117	(117)	-	225	(225)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	61	(61)	-	165	(165)	-	173	(173)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	45	(45)	-	47	(47)	-	10	(10)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	7	(7)	-	14	(14)	-	72	(72)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Đống Đa			Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng			Trung tâm y tế quận Cầu Giấy		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	300	(300)	-	158	(158)	-	476	(476)	-
++	Quân dân y kết hợp	-	-	-	38	(38)	-	-	-	-
++	Y tế trường học	158	(158)	-	11	(11)	-	120	(120)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	171	(171)	-	15	(15)	-	80	(80)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	81	(81)	-	110	(110)	-	161	(161)	-
++	Phòng chống mù lòa	59	(59)	-	22	(22)	-	73	(73)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	406	(406)	-	299	(299)	-	592	(592)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	94	(94)	-	92	(92)	-	49	(49)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	124	(124)	-	172	(172)	-	173	(173)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	13	(13)	-	18	(18)	-	55	(55)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	116	(116)	-	25	(25)	-	188	(188)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	7	(7)	-	9	(9)	-	59	(59)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	68	(68)	-	7	(7)	-	59	(59)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	15	(15)	-	8	(8)	-	12	(12)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	47	(47)	-	-	-	-	265	(265)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	3.921	(3.921)	-	3.493	(3.493)	-	2.246	(2.246)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Đống Đa			Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng			Trung tâm y tế quận Cầu Giấy		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	750	(750)	-	890	(890)	-	812	(812)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1022149			1015093			1024713		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0015			0014			0023		

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định.

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Tây Hồ			Trung tâm y tế quận Thanh Xuân			Trung tâm y tế huyện Thanh Trì		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.562	(33.562)	-	34.821	(34.821)	-	39.280	(39.280)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	33.562	(33.562)	-	34.821	(34.821)	-	39.280	(39.280)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	24.903	(24.903)	-	23.539	(23.539)	-	27.432	(27.432)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	24.903	(24.903)	-	23.539	(23.539)	-	27.432	(27.432)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.659	(8.659)	-	11.282	(11.282)	-	11.848	(11.848)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	3.793	(3.793)	-	3.991	(3.991)	-	3.995	(3.995)	-
*	Chi nghiệp vụ	4.866	(4.866)	-	7.016	(7.016)	-	7.732	(7.732)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	62	(62)	-	-	-	-	-	-	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	40	(40)	-	60	(60)	-	60	(60)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Tây Hồ			Trung tâm y tế quận Thanh Xuân			Trung tâm y tế huyện Thanh Trì		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	327	(327)	-	376	(376)	-	560	(560)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	849	(849)	-	1.478	(1.478)	-	1.510	(1.510)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	679	(679)	-	1.182	(1.182)	-	1.208	(1.208)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	998	(998)	-	1.510	(1.510)	-	1.934	(1.934)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	36	(36)	-	69	(69)	-	133	(133)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	95	(95)	-	28	(28)	-	11	(11)	-
++	Phòng, chống ung thư	28	(28)	-	72	(72)	-	63	(63)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	76	(76)	-	68	(68)	-	176	(176)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	16	(16)	-	119	(119)	-	101	(101)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	28	(28)	-	53	(53)	-	19	(19)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	19	(19)	-	6	(6)	-	-	-	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Tây Hồ			Trung tâm y tế quận Thanh Xuân			Trung tâm y tế huyện Thanh Trì		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	176	(176)	-	469	(469)	-	678	(678)	-
++	Quân dân y kết hợp	-	-	-	-	-	-	8	(8)	-
++	Y tế trường học	16	(16)	-	38	(38)	-	69	(69)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	39	(39)	-	40	(40)	-	88	(88)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	61	(61)	-	77	(77)	-	194	(194)	-
++	Phòng chống mù lòa	27	(27)	-	11	(11)	-	10	(10)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	234	(234)	-	228	(228)	-	128	(128)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	22	(22)	-	23	(23)	-	-	-	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	42	(42)	-	37	(37)	-	60	(60)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	-	-	-	15	(15)	-	16	(16)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	36	(36)	-	54	(54)	-	61	(61)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	22	(22)	-	-	-	-	105	(105)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	21	(21)	-	-	-	-	14	(14)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	2	(2)	-	-	-	-	-	-	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	2	(2)	-	103	(103)	-	-	-	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	1.911	(1.911)	-	2.410	(2.410)	-	2.460	(2.460)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Tây Hồ			Trung tâm y tế quận Thanh Xuân			Trung tâm y tế huyện Thanh Trì		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC			-	275	(275)	-	121	(121)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1014079			1025213			1094754		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0021			0022			0018		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Đông Anh			Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn			Trung tâm y tế huyện Gia Lâm		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	57.676	(57.676)	-	75.200	(75.200)	-	45.046	(45.046)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	57.676	(57.676)	-	75.200	(75.200)	-	45.046	(45.046)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	37.112	(37.112)	-	40.620	(40.620)	-	30.796	(30.796)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	37.112	(37.112)	-	40.620	(40.620)	-	30.796	(30.796)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.564	(20.564)	-	34.580	(34.580)	-	14.250	(14.250)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	6.480	(6.480)	-	9.525	(9.525)	-	5.611	(5.611)	-
*	Chi nghiệp vụ	12.624	(12.624)	-	23.655	(23.655)	-	8.639	(8.639)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	34	(34)	-	36	(36)	-	50	(50)	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	80	(80)	-	75	(75)	-	60	(60)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Đông Anh			Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn			Trung tâm y tế huyện Gia Lâm		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	10.680	(10.680)	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	300	(300)	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	656	(656)	-	758	(758)	-	652	(652)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	2.142	(2.142)	-	1.824	(1.824)	-	1.643	(1.643)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	1.666	(1.666)	-	1.459	(1.459)	-	1.266	(1.266)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	4.345	(4.345)	-	5.050	(5.050)	-	2.081	(2.081)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	15	(15)	-	20	(20)	-	81	(81)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	22	(22)	-	132	(132)	-	50	(50)	-
++	Phòng, chống ung thư	65	(65)	-	588	(588)	-	56	(56)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	839	(839)	-	336	(336)	-	200	(200)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	791	(791)	-	1.112	(1.112)	-	200	(200)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	71	(71)	-	38	(38)	-	59	(59)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	10	(10)	-	144	(144)	-	25	(25)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Đông Anh			Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn			Trung tâm y tế huyện Gia Lâm		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	290	(290)	-	397	(397)	-	300	(300)	-
++	Quân dân y kết hợp	150	(150)	-	122	(122)	-	-	-	-
++	Y tế trường học	256	(256)	-	230	(230)	-	20	(20)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	151	(151)	-	193	(193)	-	50	(50)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	150	(150)	-	274	(274)	-	300	(300)	-
++	Phòng chống mù lòa	164	(164)	-	50	(50)	-	-	-	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	264	(264)	-	346	(346)	-	320	(320)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	59	(59)	-	333	(333)	-	20	(20)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	228	(228)	-	102	(102)	-	150	(150)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	34	(34)	-	205	(205)	-	200	(200)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	310	(310)	-	163	(163)	-	50	(50)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	22	(22)	-	115	(115)	-	-	-	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	146	(146)	-	83	(83)	-	-	-	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	73	(73)	-	18	(18)	-	-	-	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	235	(235)	-	49	(49)	-	-	-	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	3.686	(3.686)	-	3.458	(3.458)	-	2.887	(2.887)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Đông Anh			Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn			Trung tâm y tế huyện Gia Lâm		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	15	(15)	-	15	(15)	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	1.460	(1.460)	-	1.400	(1.400)	-			-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1022136			1025042			1025429		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0020			0019			0024		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Nam Từ Liêm			Trung tâm y tế quận Hoàng Mai			Trung tâm y tế quận Long Biên		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	30.951	(30.951)	-	46.759	(46.759)	-	47.099	(47.099)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	30.951	(30.951)	-	46.759	(46.759)	-	47.099	(47.099)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.065	(20.065)	-	29.925	(29.925)	-	31.152	(31.152)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	20.065	(20.065)	-	29.925	(29.925)	-	31.152	(31.152)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.886	(10.886)	-	16.834	(16.834)	-	15.947	(15.947)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	3.713	(3.713)	-	5.339	(5.339)	-	4.916	(4.916)	-
*	Chi nghiệp vụ	6.813	(6.813)	-	11.495	(11.495)	-	9.742	(9.742)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	74	(74)	-	145	(145)	-	96	(96)	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	40	(40)	-	60	(60)	-	60	(60)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Nam Từ Liêm			Trung tâm y tế quận Hoàng Mai			Trung tâm y tế quận Long Biên		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	228	(228)	-	325	(325)	-	559	(559)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	1.553	(1.553)	-	2.749	(2.749)	-	1.757	(1.757)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	1.242	(1.242)	-	2.200	(2.200)	-	1.405	(1.405)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	1.844	(1.844)	-	2.238	(2.238)	-	2.807	(2.807)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	84	(84)	-	240	(240)	-	124	(124)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	36	(36)	-	63	(63)	-	54	(54)	-
++	Phòng, chống ung thư	201	(201)	-	94	(94)	-	100	(100)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	389	(389)	-	82	(82)	-	182	(182)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	117	(117)	-	76	(76)	-	150	(150)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	16	(16)	-	64	(64)	-	18	(18)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	25	(25)	-	43	(43)	-	24	(24)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Nam Từ Liêm			Trung tâm y tế quận Hoàng Mai			Trung tâm y tế quận Long Biên		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	339	(339)	-	178	(178)	-	231	(231)	-
++	Quân dân y kết hợp	7	(7)	-	163	(163)	-	-	-	-
++	Y tế trường học	5	(5)	-	101	(101)	-	245	(245)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	82	(82)	-	113	(113)	-	174	(174)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	135	(135)	-	118	(118)	-	88	(88)	-
++	Phòng chống mù lòa	11	(11)	-	104	(104)	-	12	(12)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	129	(129)	-	75	(75)	-	140	(140)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	8	(8)	-	84	(84)	-	241	(241)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	61	(61)	-	120	(120)	-	270	(270)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	42	(42)	-	66	(66)	-	54	(54)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	29	(29)	-	160	(160)	-	150	(150)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	83	(83)	-	117	(117)	-	50	(50)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	37	(37)	-	110	(110)	-	200	(200)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	-	-	-	42	(42)	-	100	(100)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	8	(8)	-	25	(25)	-	200	(200)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	1.832	(1.832)	-	3.778	(3.778)	-	3.058	(3.058)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế quận Nam Từ Liêm			Trung tâm y tế quận Hoàng Mai			Trung tâm y tế quận Long Biên		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	360	(360)	-			-	1.289	(1.289)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1089117			1088774			1089120		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0017			0025			0016		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định)

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Ba Vì			Trung tâm y tế huyện Chương Mỹ			Trung tâm y tế huyện Quốc Oai		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	62.353	(62.353)	-	51.991	(51.991)	-	37.806	(37.806)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	62.353	(62.353)	-	51.991	(51.991)	-	37.806	(37.806)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	39.970	(39.970)	-	34.379	(34.379)	-	25.437	(25.437)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	39.970	(39.970)	-	34.379	(34.379)	-	25.437	(25.437)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.383	(22.383)	-	17.612	(17.612)	-	12.369	(12.369)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	7.708	(7.708)	-	6.241	(6.241)	-	4.498	(4.498)	-
*	Chi nghiệp vụ	13.225	(13.225)	-	11.371	(11.371)	-	6.361	(6.361)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	32	(32)	-	50	(50)	-	-	-	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	115	(115)	-	60	(60)	-	40	(40)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Ba Vì			Trung tâm y tế huyện Chương Mỹ			Trung tâm y tế huyện Quốc Oai		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	815	(815)	-	965	(965)	-	570	(570)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	1.622	(1.622)	-	1.836	(1.836)	-	1.094	(1.094)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	1.250	(1.250)	-	1.421	(1.421)	-	828	(828)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	6.148	(6.148)	-	3.688	(3.688)	-	1.583	(1.583)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	77	(77)	-	13	(13)	-	20	(20)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	45	(45)	-	15	(15)	-	17	(17)	-
++	Phòng, chống ung thư	1.899	(1.899)	-	1.315	(1.315)	-	345	(345)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	530	(530)	-	129	(129)	-	76	(76)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	502	(502)	-	66	(66)	-	45	(45)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	76	(76)	-	57	(57)	-	44	(44)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	74	(74)	-	2	(2)	-	16	(16)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Ba Vì			Trung tâm y tế huyện Chương Mỹ			Trung tâm y tế huyện Quốc Oai		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	190	(190)	-	273	(273)	-	123	(123)	-
++	Quân dân y kết hợp	29	(29)	-	24	(24)	-	21	(21)	-
++	Y tế trường học	144	(144)	-	117	(117)	-	52	(52)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	180	(180)	-	231	(231)	-	55	(55)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	279	(279)	-	36	(36)	-	112	(112)	-
++	Phòng chống mù lòa	12	(12)	-	12	(12)	-	15	(15)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	276	(276)	-	466	(466)	-	294	(294)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	178	(178)	-	54	(54)	-	33	(33)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	1.008	(1.008)	-	110	(110)	-	89	(89)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	63	(63)	-	148	(148)	-	35	(35)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	401	(401)	-	57	(57)	-	20	(20)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	49	(49)	-	54	(54)	-	13	(13)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	46	(46)	-	414	(414)	-	55	(55)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	69	(69)	-	95	(95)	-	53	(53)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	21	(21)	-	-	-	-	50	(50)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	3.243	(3.243)	-	3.351	(3.351)	-	2.246	(2.246)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Ba Vì			Trung tâm y tế huyện Chương Mỹ			Trung tâm y tế huyện Quốc Oai		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	1.450	(1.450)	-			-	1.510	(1.510)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1061002			1090746			1090524		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0034			0032			0031		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định)

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phúc Thọ			Trung tâm y tế huyện Thạch Thất			Trung tâm y tế huyện Hoài Đức		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	42.583	(42.583)	-	41.880	(41.880)	-	41.757	(41.757)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	42.583	(42.583)	-	41.880	(41.880)	-	41.757	(41.757)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	29.615	(29.615)	-	29.304	(29.304)	-	29.011	(29.011)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	29.615	(29.615)	-	29.304	(29.304)	-	29.011	(29.011)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.968	(12.968)	-	12.576	(12.576)	-	12.746	(12.746)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	5.530	(5.530)	-	4.926	(4.926)	-	5.467	(5.467)	-
*	Chi nghiệp vụ	6.164	(6.164)	-	6.920	(6.920)	-	7.279	(7.279)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	-	-	-	29	(29)	-	11	(11)	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	80	(80)	-	40	(40)	-	60	(60)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phúc Thọ			Trung tâm y tế huyện Thạch Thất			Trung tâm y tế huyện Hoài Đức		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	589	(589)	-	783	(783)	-	600	(600)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	1.052	(1.052)	-	1.202	(1.202)	-	1.522	(1.522)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	794	(794)	-	913	(913)	-	1.170	(1.170)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	1.538	(1.538)	-	1.529	(1.529)	-	1.492	(1.492)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	39	(39)	-	16	(16)	-	9	(9)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	65	(65)	-	40	(40)	-	76	(76)	-
++	Phòng, chống ung thư	82	(82)	-	445	(445)	-	36	(36)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	69	(69)	-	76	(76)	-	186	(186)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	51	(51)	-	45	(45)	-	208	(208)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	15	(15)	-	27	(27)	-	15	(15)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	6	(6)	-	-	-	-	36	(36)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phúc Thọ			Trung tâm y tế huyện Thạch Thất			Trung tâm y tế huyện Hoài Đức		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	213	(213)	-	122	(122)	-	113	(113)	-
++	Quân dân y kết hợp	4	(4)	-	22	(22)	-	13	(13)	-
++	Y tế trường học	32	(32)	-	51	(51)	-	30	(30)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	216	(216)	-	155	(155)	-	61	(61)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	88	(88)	-	82	(82)	-	134	(134)	-
++	Phòng chống mù lòa	22	(22)	-	3	(3)	-	36	(36)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	312	(312)	-	250	(250)	-	219	(219)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	55	(55)	-	18	(18)	-	57	(57)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	170	(170)	-	106	(106)	-	83	(83)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	13	(13)	-	-	-	-	17	(17)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	62	(62)	-	36	(36)	-	163	(163)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	7	(7)	-	2	(2)	-	-	-	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	9	(9)	-	21	(21)	-	-	-	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	8	(8)	-	12	(12)	-	-	-	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	2.096	(2.096)	-	2.424	(2.424)	-	2.424	(2.424)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phúc Thọ			Trung tâm y tế huyện Thạch Thất			Trung tâm y tế huyện Hoài Đức		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	15	(15)	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	1.274	(1.274)	-	730	(730)	-			-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1083262			1060763			1061004		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0037			0038			0036		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định)

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Thanh Oai			Trung tâm y tế huyện Mỹ Đức			Trung tâm y tế huyện Thường Tín		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	42.761	(42.761)	-	43.779	(43.779)	-	50.194	(50.194)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	42.761	(42.761)	-	43.779	(43.779)	-	50.194	(50.194)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	29.714	(29.714)	-	31.585	(31.585)	-	35.205	(35.205)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	29.714	(29.714)	-	31.585	(31.585)	-	35.205	(35.205)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.047	(13.047)	-	12.194	(12.194)	-	14.989	(14.989)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	5.159	(5.159)	-	5.194	(5.194)	-	5.969	(5.969)	-
*	Chi nghiệp vụ	7.419	(7.419)	-	6.883	(6.883)	-	8.435	(8.435)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	29	(29)	-	-	-	-	-	-	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	60	(60)	-	40	(40)	-	20	(20)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Thanh Oai			Trung tâm y tế huyện Mỹ Đức			Trung tâm y tế huyện Thường Tín		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	623	(623)	-	628	(628)	-	762	(762)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	1.214	(1.214)	-	1.124	(1.124)	-	1.389	(1.389)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	924	(924)	-	852	(852)	-	1.063	(1.063)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	2.252	(2.252)	-	2.093	(2.093)	-	2.392	(2.392)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	13	(13)	-	19	(19)	-	95	(95)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	48	(48)	-	47	(47)	-	22	(22)	-
++	Phòng, chống ung thư	81	(81)	-	734	(734)	-	151	(151)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	441	(441)	-	106	(106)	-	139	(139)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	384	(384)	-	93	(93)	-	146	(146)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	67	(67)	-	60	(60)	-	23	(23)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	38	(38)	-	7	(7)	-	81	(81)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Thanh Oai			Trung tâm y tế huyện Mỹ Đức			Trung tâm y tế huyện Thường Tín		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	200	(200)	-	200	(200)	-	201	(201)	-
++	Quản dân y kết hợp	24	(24)	-	20	(20)	-	55	(55)	-
++	Y tế trường học	59	(59)	-	43	(43)	-	97	(97)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	44	(44)	-	120	(120)	-	315	(315)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	89	(89)	-	151	(151)	-	71	(71)	-
++	Phòng chống mù lòa	33	(33)	-	43	(43)	-	37	(37)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	113	(113)	-	182	(182)	-	324	(324)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	61	(61)	-	47	(47)	-	113	(113)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	105	(105)	-	74	(74)	-	121	(121)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	36	(36)	-	33	(33)	-	35	(35)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	256	(256)	-	26	(26)	-	151	(151)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	44	(44)	-	20	(20)	-	35	(35)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	60	(60)	-	21	(21)	-	75	(75)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	7	(7)	-	30	(30)	-	53	(53)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	49	(49)	-	17	(17)	-	52	(52)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	2.317	(2.317)	-	2.146	(2.146)	-	2.809	(2.809)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Thanh Oai			Trung tâm y tế huyện Mỹ Đức			Trung tâm y tế huyện Thường Tín		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	469	(469)	-	117	(117)	-	585	(585)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1083255			1090525			1090518		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0039			0028			0030		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TO.
(Kèm theo Quyết định

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên			Trung tâm y tế huyện Ứng Hoà			Trung tâm y tế huyện Đan Phượng		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	48.296	(48.296)	-	51.291	(51.291)	-	36.535	(36.535)	-
1	Chi quản lý hành chính									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	48.296	(48.296)	-	51.291	(51.291)	-	36.535	(36.535)	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	33.046	(33.046)	-	36.218	(36.218)	-	24.713	(24.713)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	33.046	(33.046)	-	36.218	(36.218)	-	24.713	(24.713)	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.250	(15.250)	-	15.073	(15.073)	-	11.822	(11.822)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	6.158	(6.158)	-	6.269	(6.269)	-	4.091	(4.091)	-
*	Chi nghiệp vụ	7.242	(7.242)	-	8.017	(8.017)	-	5.481	(5.481)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	28	(28)	-	59	(59)	-	27	(27)	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	15	(15)	-	60	(60)	-	20	(20)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên			Trung tâm y tế huyện Ứng Hoà			Trung tâm y tế huyện Đan Phượng		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	751	(751)	-	780	(780)	-	535	(535)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	1.240	(1.240)	-	1.146	(1.146)	-	1.006	(1.006)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	945	(945)	-	869	(869)	-	757	(757)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	1.732	(1.732)	-	2.557	(2.557)	-	1.361	(1.361)	-
	Trong đó:			-			-			-
++	Phòng, chống Lao	80	(80)	-	78	(78)	-	34	(34)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	13	(13)	-	28	(28)	-	33	(33)	-
++	Phòng, chống ung thư	260	(260)	-	809	(809)	-	174	(174)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	183	(183)	-	199	(199)	-	138	(138)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	113	(113)	-	170	(170)	-	108	(108)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	15	(15)	-	28	(28)	-	3	(3)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	23	(23)	-	22	(22)	-	53	(53)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên			Trung tâm y tế huyện Ứng Hoà			Trung tâm y tế huyện Đan Phượng		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	213	(213)	-	274	(274)	-	118	(118)	-
++	Quân dân y kết hợp	15	(15)	-	-	-	-	21	(21)	-
++	Y tế trường học	41	(41)	-	28	(28)	-	25	(25)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	90	(90)	-	175	(175)	-	55	(55)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	62	(62)	-	122	(122)	-	54	(54)	-
++	Phòng chống mù lòa	15	(15)	-	20	(20)	-	25	(25)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	174	(174)	-	129	(129)	-	223	(223)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	98	(98)	-	42	(42)	-	24	(24)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	134	(134)	-	163	(163)	-	92	(92)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	30	(30)	-	44	(44)	-	32	(32)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	133	(133)	-	157	(157)	-	100	(100)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	10	(10)	-	13	(13)	-	14	(14)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	15	(15)	-	31	(31)	-	25	(25)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	-	-	-	25	(25)	-	5	(5)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	15	(15)	-	-	-	-	5	(5)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	2.531	(2.531)	-	2.531	(2.531)	-	1.775	(1.775)	-

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên			Trung tâm y tế huyện Ứng Hoà			Trung tâm y tế huyện Đan Phượng		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	15	(15)	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	1.850	(1.850)	-	787	(787)	-	2.250	(2.250)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1083248			1083871			1090520		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0027			0029			0035		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định)

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng									Chi tiết
		Trung tâm y tế quận Hà Đông			Trung tâm y tế thị xã Sơn Tây			Trung tâm y tế huyện Mê Linh			Trung tâm
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	46.654	(46.654)	-	37.812	(37.812)	-	40.940	(40.940)	-	35.569
1	Chi quản lý hành chính										
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	46.654	(46.654)	-	37.812	(37.812)	-	40.940	(40.940)	-	35.569
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	31.311	(31.311)	-	27.819	(27.819)	-	28.991	(28.991)	-	22.625
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	31.311	(31.311)	-	27.819	(27.819)	-	28.991	(28.991)	-	22.625
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.343	(15.343)	-	9.993	(9.993)	-	11.949	(11.949)	-	12.944
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	5.110	(5.110)	-	4.664	(4.664)	-	4.712	(4.712)	-	3.833
*	Chi nghiệp vụ	9.533	(9.533)	-	5.329	(5.329)	-	7.237	(7.237)	-	8.348
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	56	(56)	-	24	(24)	-	-	-	-	66
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	55	(55)	-	-	-	-	60	(60)	-	55

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng									Chi tiết
		Trung tâm y tế quận Hà Đông			Trung tâm y tế thị xã Sơn Tây			Trung tâm y tế huyện Mê Linh			Trung tâm
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	459	(459)	-	564	(564)	-	559	(559)	-	559
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	2.142	(2.142)	-	854	(854)	-	1.348	(1.348)	-	1.833
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	1.799	(1.799)	-	635	(635)	-	1.030	(1.030)	-	1.466
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	2.170	(2.170)	-	1.755	(1.755)	-	1.923	(1.923)	-	1.788
	Trong đó:			-			-			-	
++	Phòng, chống Lao	54	(54)	-	28	(28)	-	50	(50)	-	144
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	13	(13)	-	19	(19)	-	39	(39)	-	20
++	Phòng, chống ung thư	183	(183)	-	499	(499)	-	243	(243)	-	42
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	365	(365)	-	233	(233)	-	186	(186)	-	137
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	208	(208)	-	67	(67)	-	162	(162)	-	294
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	65	(65)	-	34	(34)	-	40	(40)	-	49
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	20	(20)	-	15	(15)	-	11	(11)	-	42

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng									Chi tiết
		Trung tâm y tế quận Hà Đông			Trung tâm y tế thị xã Sơn Tây			Trung tâm y tế huyện Mê Linh			Trung tâm
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	333	(333)	-	203	(203)	-	201	(201)	-	181
++	Quản dân y kết hợp	27	(27)	-	-	-	-	8	(8)	-	6
++	Y tế trường học	22	(22)	-	48	(48)	-	63	(63)	-	56
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	230	(230)	-	40	(40)	-	73	(73)	-	285
++	Phòng, chống HIV/AIDS	62	(62)	-	88	(88)	-	122	(122)	-	117
++	Phòng chống mù lòa	58	(58)	-	37	(37)	-	37	(37)	-	24
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	171	(171)	-	53	(53)	-	318	(318)	-	129
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	11	(11)	-	75	(75)	-	94	(94)	-	69
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	66	(66)	-	100	(100)	-	122	(122)	-	26
++	Phòng chống bệnh Đại	52	(52)	-	35	(35)	-	31	(31)	-	70
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	44	(44)	-	54	(54)	-	88	(88)	-	79
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	50	(50)	-	21	(21)	-	16	(16)	-	7
++	Hoạt động Y học cổ truyền	50	(50)	-	47	(47)	-	19	(19)	-	2
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	86	(86)	-	59	(59)	-	-	-	-	4
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	2.852	(2.852)	-	1.497	(1.497)	-	2.317	(2.317)	-	2.581

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng									Chi tiết
		Trung tâm y tế quận Hà Đông			Trung tâm y tế thị xã Sơn Tây			Trung tâm y tế huyện Mê Linh			Trung tâm
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	700	(700)	-			-			-	763
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình										
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1060531			1061001			1083982			
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0026			0033			0040			

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN
(Kèm theo Quyết định

STT	Nội dung	t theo đơn vị sử dụng	
		h y tế quận Bắc Từ Liêm	
		Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(35.569)	-
1	Chi quản lý hành chính		
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(35.569)	-
a	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	(22.625)	-
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt	(22.625)	-
b	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	(12.944)	-
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	(3.833)	-
*	Chi nghiệp vụ	(8.348)	-
-	Hỗ trợ điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone	(66)	-
-	Thực hiện Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2025"	(55)	-

STT	Nội dung	t theo đơn vị sử dụng	
		n y tế quận Bắc Từ Liêm	
		Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí khám chữa bệnh định kỳ, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, côn trùng tại vùng ảnh hưởng môi trường của khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả khám chữa bệnh bằng BHYT của người dân được cấp thẻ BHYT trong vùng ảnh hưởng môi trường Khu xử lý chất thải Nam Sơn huyện Sóc Sơn	-	-
-	Chi công tác An toàn vệ sinh thực phẩm theo định mức	(559)	-
-	Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình theo định mức	(1.833)	-
-	Chi công tác phòng chống dịch thường xuyên theo định mức	(1.466)	-
-	Chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo định mức	(1.788)	-
	Trong đó:		-
++	Phòng, chống Lao	(144)	-
++	Phòng ngừa bệnh sốt rét quay trở lại sau loại trừ và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp	(20)	-
++	Phòng, chống ung thư	(42)	-
++	Phòng, chống bệnh tim mạch (Tăng huyết áp)	(137)	-
++	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	(294)	-
++	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	(49)	-
++	Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	(42)	-

STT	Nội dung	t theo đơn vị sử dụng	
		n y tế quận Bắc Từ Liêm	
		Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	(181)	-
++	Quản dân y kết hợp	(6)	-
++	Y tế trường học	(56)	-
++	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	(285)	-
++	Phòng, chống HIV/AIDS	(117)	-
++	Phòng chống mù lòa	(24)	-
++	Truyền thông giáo dục sức khỏe	(129)	-
++	Giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	(69)	-
++	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng	(26)	-
++	Phòng chống bệnh Đại	(70)	-
++	Phòng chống tai nạn thương tích - Xây dựng cộng đồng an toàn	(79)	-
++	Hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	(7)	-
++	Hoạt động Y học cổ truyền	(2)	-
++	Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND Thành phố về Thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	(5)	-
++	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố về Nâng cao chất lượng hoạt động trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	(4)	-
-	Kinh phí thù lao cộng tác viên dân số	(2.581)	-

STT	Nội dung	t theo đơn vị sử dụng	
		n y tế quận Bắc Từ Liêm	
		Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
-	Kinh phí chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú" của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC	(763)	-
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình		
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1119938	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0041	